Chương 4
Pháp luật về tín dụng ngân hàng

I. **KHÁI QUÁT VỀ TÍN DỤNG.**
II. **PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG**
III. **CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG**

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

I. Khái quát về tín dụng

1. **Khái niệm và bản chất của tín dụng**
2. **Phân loại hoạt động tín dụng.**
3. **Phân loại hoạt động tín dụng.**

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

1. Khái niệm và bản chất của tín dụng

- Khái niệm TD
- Bản chất của TD

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Khái niệm tín dụng

- Thuật ngữ "tín dụng" có nguồn gốc từ chữ la tinh: "Creditium", có nghĩa là sự tin tưởng, tín nhiệm.

  Khái niệm tín dụng có thể được nhìn nhận từ nhiều góc độ.
- -Tín dụng là sự trao đổi các tài sản hiện tại để nhận các tài sản cùng loại trong tương lai.
- -Tín dụng là quan hệ mua bán quyền sử dụng vốn, giá cả là lãi suất.
- -Tín dụng là quan hệ kinh tế, theo đó một người thoả thuận để người khác sử dụng số tiền hay tài sản của mình trong một thời gian nhất định với các điều kiện có hoàn trả vốn và lãi.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Khái niệm tín dụng

Một cách chung nhất, khái niệm tín dụng theo pháp luật ngân hàng Việt Nam ghi nhận rằng, tín dụng là quan hệ vay (mượn) dựa trên cơ sở tin tưởng và tín nhiệm giữa bên cho vay (mượn) và bên đi vay (mượn). Theo đó, bên cho vay chuyển giao một lượng vốn tiền tệ (hoặc tài sản) để bên vay sử dụng có thời hạn. Khi đến hạn, bên vay có nghĩa vụ hoàn trả vốn (tài sản) ban đầu và lãi suất.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Khái niệm tín dụng

Liên quan đến khái niệm về tín dụng, có các định nghĩa về hoạt động tín dụng, cấp tín dụng, chúng ta cần phân biệt như sau:

- *Hoạt động tín dụng là việc tổ chức tín dụng sử dụng nguồn vốn tự có, nguồn vốn huy động để cấp tín dụng dưới các hình thức khác nhau.*
- *Hoạt động cấp tín dụng là việc tổ chức tín dụng thỏa thuận để khách hàng sử dụng một khoản tiền với nguyên tắc hoàn trả bằng các nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật ngân hàng.*

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Bản chất của tín dụng

Về bản chất của tín dụng, hoạt động này mang các dấu hiệu đặc trưng như sau:

- Quan hệ tín dụng thiết lập trên cơ sở tin tưởng và tín nhiệm. Chủ thể tham gia vào quan hệ này gồm ít nhất là 2 bên: bên cho vay và bên đi vay.
- Tín dụng là quan hệ chuyển giao để sử dụng có thời hạn.
- Hình thức pháp lý của hoạt động vay mượn giữa các bên được thể hiện thông qua hợp đồng vay tài sản, thông thường, tài sản này được biểu hiện dưới dạng một lượng tiền tệ nhất định. Như vậy, đối tượng của quan hệ tín dụng là vốn tiền tệ, trong một số trường hợp khác có thể là tài sản (tín dụng thuê mua).
- Vốn là một "hàng hóa" đặc biệt trong nền kinh tế thị trường. Các quan hệ tín dụng phát sinh từ nhu cầu về vốn của nền kinh tế.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Nguyên tắc của tín dụng

Tín dụng phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản:

- Nguyên tắc sử dụng vốn vay đúng mục đích
- Nguyên tắc hạn chế rủi ro, khắc phục tổn thất.
- Nguyên tắc hoàn trả vốn và lãi.
- Nguyên tắc cho vay phải bảo đảm

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

2. Phân loại hoạt động tín dụng.

- Dựa vào tính chất của quan hệ vay mượn, hoạt động tín dụng được phân biệt thành: tín dụng ngân hàng, tín dụng nhà nước, tín dụng quốc tế, tín dụng thương mại (tín dụng hàng hóa).

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Tín dụng ngân hàng

Là quan hệ tín dụng giữa các tổ chức tín dụng với khách hàng (tổ chức, các doanh nghiệp và cá nhân...Trong đó, chủ thể cho vay là các tổ chức tín dụng, chủ thể đi vay là cá nhân và các tổ chức.

Hình thức pháp lý của quan hệ tín dụng ngân hàng có thể được thể hiện dưới dạng:

- hợp đồng tín dụng ngân hàng,
- hợp đồng thuê mua tài chính,
- các thỏa thuận chiết khấu giữa ngân hàng và khách hàng,
- các cam kết bảo lãnh giữa ngân hàng và khách hàng.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Tín dụng nhà nước

Tín dụng nhà nước là quan hệ tín dụng phát sinh trong quá trình nhà nước sử dụng tạm thời vốn của các chủ thể khác trong xã hội.

- Trong quan hệ này, nhà nước là người đi vay; các cá nhân, tổ chức khác là bên cho vay. Mục đích của loại hình tín dụng này nhằm bù đắp bội chi ngân sách nhà nước, bổ sung vốn cho đầu tư phát triển.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Tín dụng quốc tế

- Là quan hệ sử dụng vốn tạm thời theo nguyên tắc có hoàn trả, phát sinh giữa chính phủ, tổ chức kinh tế nước này với chính phủ, tổ chức kinh tế nước khác hoặc với các tổ chức tài chính quốc tế, nhằm thỏa mãn nhu cầu bù đắp thiếu hụt ngân sách nhà nước hoặc nhu cầu vốn kinh doanh.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Tín dụng thương mại: (Tín dụng hàng hóa)

- Là quan hệ tín dụng giữa thương nhân với thương nhân khác thông qua hình thức mua bán chịu hàng hóa (mua hàng trả chậm), dựa trên cơ sở hối phiếu. Tín dụng thương mại còn gọi là tín dụng hàng hóa vì đối tượng của tín dụng thương mại là hàng hóa, dịch vụ.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Phân loại hoạt động tín dụng

- **Dựa theo thời hạn tín dụng**, tín dụng được phân biệt thành tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn
- -Thời hạn tín dụng được hiểu là khoản thời gian từ thời điểm người đi vay nhận vốn vay để sử dụng vào mục đích vay cho đến thời hạn phải trả nợ cả vốn lẫn lãi theo hợp đồng tín dụng.
- -Theo pháp luật hiện hành, thời hạn tín dụng bao gồm:
- • Ngắn hạn tối đa 12 tháng.
- •Trung hạn 12 tháng-5 năm.
- •Dài hạn: trên 5 năm

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

II. PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

- 1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng tín dụng ngân hàng.
- 2. Chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng tín dụng:
- 3. Thủ tục, trình tự ký kết hợp đồng tín dụng ngân hàng
- 4. Nội dung hợp đồng tín dụng

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng tín dụng ngân hàng.

- ***1.1. Khái niệm hợp đồng tín dụng ngân hàng***
- ***1.2. Đặc điểm hợp đồng tín dụng ngân hàng***

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

1.1. Khái niệm hợp đồng tín dụng ngân hàng

- ***Về bản chất, hợp đồng ghi nhận thỏa thuận của hai hay nhiều bên làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó, hợp đồng tín dụng*** là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa Tổ chức tín dụng (bên cho vay) với tổ chức, cá nhân có đủ những điều kiện do luật định (bên vay). Căn cứ vào hợp đồng, tổ chức tín dụng chuyển giao một số tiền cho bên vay sử dụng trong một thời hạn nhất định, với điều kiện hoàn trả cả gốc và lãi.
- Hợp đồng tín dụng phải có nội dụng về điều kiện vay, mục đích sử dụng vốn vay, phương thức cho vay, số vốn vay, lãi suất, thời hạn cho vay, hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm, phương thức trả nợ và những cam kết khác được các bên thoả thuận.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

1.2. Đặc điểm hợp đồng tín dụng ngân hàng

- - Hợp đồng tín dụng ngân hàng luôn luôn được lập thành văn bản. Hợp đồng tín dụng ngân hàng đa phần là hợp đồng theo mẫu. Tên gọi có thể là: Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng vay; Khế ước vay vốn; hoặc phụ thuộc vào thời hạn vay, mục đích vay, hợp đồng có thể có thêm các cụm từ: "ngắn hạn"; "trung hạn"; "dài hạn"; "đồng Việt Nam"; "ngoại tệ"; "tiêu dùng"; "đầu tư"…
- -Hợp đồng tín dụng ngân hàng có đối tượng là những khoản vốn được thể hiện dưới hình thức tiền tệ.
- -Hợp đồng tín dụng ngân hàng là hợp đồng song vụ. Hợp đồng tín dụng có thể được công chứng, chứng thực phụ thuộc vào sự thỏa thuận của các bên.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

2. Chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng tín dụng:

- Quan hệ pháp luật tín dụng ngân hàng là quan hệ tài sản – hàng hóa phát sinh trong quá trình sử dụng vốn tạm thời giữa tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân theo nguyên tắc có hoàn trả, dựa trên cơ sở tín nhiệm hoặc có sự bảo đảm, được các qui phạm pháp luật điều chỉnh. Tham gia quan hệ này có it nhất gồm hai chủ thể: là bên cho vay và bên đi vay.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Bên cho vay:

- Luôn là tổ chức tín dụng. Có thể là ngân hàng có thể là tổ chức tín dụng phi ngân hàng.
- Có thể là một hoặc nhiều tổ chức tín dụng (trường hợp cho vay hợp vốn) thỏa mãn điều kiện:

+ Được thành lập và hoạt động theo luật các tổ chức tín dụng và các pháp luật liên quan.

+ Có chức năng hoạt động, kinh doanh tín dụng

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Bên đi vay (Khách hàng)

+Nhóm khách hàng thứ nhất: Các pháp nhân:

- doanh nghiệp nhà nước,
- hợp tác xã
- công ty trách nhiệm hữu hạn, (01 thành viên; từ 02-50 thành viên)
- công ty cổ phần,
- công ty hợp danh
- doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và
- các tổ chức khác

+**Nhóm khách hàng thứ hai:**

- Cá nhân;
- Hộ gia đình;
- Tổ hợp tác;
- Doanh nghiệp tư nhân;

+Nhóm khách hàng thứ ba: Các pháp nhân và cá nhân nước ngoài.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Bên đi vay (Khách hàng)

Bên đi vay phải thỏa mãn các điều kiện liên quan đến năng lực chủ thể, mục đích sử dụng vốn vay, khả năng thanh toán khoản vay…

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

a) Đối với khách hàng vay là pháp nhân và cá nhân Việt Nam

- **Pháp nhân phải có năng lực pháp luật dân sự;**
- **Cá nhân và chủ doanh nghiệp tư nhân phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự;**
- **Đại diện của hộ gia đình phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự;**
- **Đại diện của tổ hợp tác phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự;**
- **Thành viên hợp danh của công ty hợp danh phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự;**

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

b) Đối với khách hàng vay là pháp nhân và cá nhân nước ngoài:

- Năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự theo quy định pháp luật của nước mà pháp nhân đó có quốc tịch hoặc cá nhân đó là công dân, nếu pháp luật nước ngoài đó được Bộ Luật Dân sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các văn bản pháp luật khác của Việt Nam quy định hoặc được điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Điều kiện về mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp.

- -Sử dụng vốn vay vào những lĩnh vực pháp luật không cấm.
- -Sử dụng vốn để kinh doanh, bên đi vay phải có đăng ký kinh doanh, sử dụng vốn kinh doanh đúng lĩnh vực, ngành nghề đăng ký.
- -Trong trường hợp sử dụng vốn đầu tư vào các hoạt động kinh doanh có điều kiện phải thỏa mãn các điều kiện luật định.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Điều kiện về khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết.

- -Cơ sở xác định khả năng tài chính: báo cáo tài chính có kiểm toán, vốn tự có...
- -Trách nhiệm cung cấp các thông tin về tình hình và năng lực tài chính.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Các điều kiện khác:

- -Có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khả thi và có hiệu quả; hoặc có dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống khả thi và phù hợp với quy định của pháp luật.
- -Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Các lưu ý:

- ***Tổ chức tín dụng không được cho vay các nhu cầu vốn sau đây:***
- - Để mua sắm các tài sản và các chi phí hình thành nên tài sản mà pháp luật cấm mua bán, chuyển nhượng, chuyển đổi;
- -Để thanh toán các chi phí cho việc thực hiện các giao dịch mà pháp luật cấm;
- -Để đáp ứng các nhu cầu cho các giao dịch mà pháp luật cấm.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Các lưu ý:

- ***Tổ chức tín dụng cần tuân thủ quy định về giới hạn cho vay***
- -Tổng dư nợ cho vay đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của chính tổ chức tín dụng đó, trừ trường hợp đối với những khoản cho vay từ các nguồn vốn uỷ thác của Chính phủ, của các tổ chức và cá nhân.
- -Trường hợp nhu cầu vốn của một khách hàng vượt quá 15% vốn tự có cuả tổ chức tín dụng hoặc khách hàng có nhu cầu huy động vốn từ nhiều nguồn thì các tổ chức tín dụng cho vay hợp vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- - Trong trường hợp đặc biệt, tổ chức tín dụng chỉ được cho vay vượt quá mức giới hạn cho vay quy định khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép đối với từng trường hợp cụ thể.
- -Việc xác định vốn tự có của các tổ chức tín dụng để làm căn cứ tính toán giới hạn cho vay thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Các lưu ý:

- ***Những trường hợp không được cho vay***
- - Tổ chức tín dụng không được cho vay đối với khách hàng trong các trường hợp sau đây:
- +Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc(Giám đốc), Phó Tổng giám đốc), (phó Giám đốc) của tổ chức tín dụng;
- + Cán bộ, nhân viên của chính tổ chức tín dụng đó thực hiện nhiệm vụ thẩm định, quyết định cho vay;
- + Bố, mẹ, vợ, chồng, con của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc).
- Tuy nhiên, các quy định trên không áp dụng đối với các tổ chức tín dụng hợp tác. Điều này xuất phát từ bản chất của tổ chức tín dụng hợp tác.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Các lưu ý:

- ***Những trường hợp hạn chế cho vay***
- Tổ chức tín dụng không được cho vay không có bảo đảm, cho vay với những điều kiện ưu đãi về lãi suất, về mức cho vay đối với những đôi tượng sau đây:
- - Tổ chức kiểm toán, Kiểm toán viên có trách nhiệm kiểm toán tại tổ chức tín dụng cho vay; Thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ thanh tra tại tổ chức tín dụng cho vay; Kế toán trưởng của tổ chức tín dụng cho vay;
- -Các cổ đông lớn của tổ chức tín dụng;
- - Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 77 của Luật Các tổ chức tín dụng sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

3. Thủ tục, trình tự ký kết hợp đồng tín dụng ngân hàng

- **** Hồ sơ vay vốn***
- ****Thẩm định hồ sơ vay vốn***
- ****Quyết định cho vay***
- ****Ký kết hợp đồng tín dụng***

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Hồ sơ vay vốn

- - Khi có nhu cầu vay vốn, khách hàng gửi cho tổ chức tín dụng giấy đề nghị vay vốn và các tài liệu cần thiết chứng minh đủ điều kiện vay vốn.
- -Khách hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và hợp pháp của các tài liệu gửi cho tổ chức tín dụng
- -Dưới góc độ pháp lý, Giấy đề nghị vay vốn là "đề nghị ký kết hợp đồng".

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Thẩm định hồ sơ vay vốn :

- Đây là một giai đoạn mang tính nghiệp vụ và rất quan trọng trong việc hạn chế rủi ro tín dụng. Thông thường mỗi Tổ chức tín dụng tuỳ theo cơ cấu tổ chức và phân định chức năng thẩm định dự án.
- Công việc thẩm định bao gồm :
- - Khả năng tài chính
- - Tính khả thi của dự án
- -Uy tín của khách hàng
- - Biện pháp bảo đảm tín dụng
- Trong trường hợp cần thiết Tổ chức tín dụng có thể thành lập hội đồng thẩm định hoặc thuê, trưng cầu các cơ quan chuyên môn để thẩm định.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Quyết định cho vay:

- Trên cơ sở kết luận về khả năng tài chính; tính khả thi của dự án đầu tư, mục đích tiêu dùng, sinh hoạt...cá nhân có thẩm quyền (Trường phòng Tín dụng; phó giám đốc; giám đốc chi nhánh...) quyết định cho vay
- Tổ chức tín dụng quy định cụ thể và niêm yết công khai thời hạn tối đa phải thông báo quyết định cho vay hoặc không cho vay đối với khách hàng, kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn và thông tin cần thiết của khách hàng. Trường hợp quyết định không cho vay, tổ chức tín dụng phải thông báo cho khách hàng bằng văn bản, trong đó nêu rõ căn cứ từ chối cho vay.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Ký kết hợp đồng tín dụng.

- -Hợp đồng tín dụng đa số là được ký trực tiếp hoặc.
- •trực tiếp: các bên ký kết và ràng buộc các bên phải cử người thanm gia đàm phán
- •Gián tiếp dưới sự hỗ trợ của Internet; Fax; telex...và các phương tiện khác.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

4. Nội dung hợp đồng tín dụng

- Hợp đồng tín dụng phải đảm bảo các nội dung về:
- - Điều khoản về điều kiện vay vốn
- - Điều khoản về đối tượng hợp đồng, số tiền vay;
- - Điều khoản về phương thức cho vay,
- - Điều khoản về thời hạn sử dụng vốn vay.
- - Điều khoản về lãi suất
- - Điều khoản về mục đích sử dụng vốn vay
- - Điều khoản về phương thức thanh toán tiền vay vốn và lãi
- - Điều khoản về giải quyết tranh chấp hợp đồng
- Nếu hợp đồng tín dụng được ký kết có điều kiện bảo đảm bằng tài sản như cầm cố, thế chấp, bảo lãnh các bên có thể thỏa thuận một điều khoản riêng rẽ nằm trong hợp đồng tín dụng hoặc có thể lập một hợp đồng riêng biệt.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

*Một số điều khoản cần lưu ý:

- ● ***Điều khoản về Thời hạn cho vay.***
- ● ***Điều khoản về lãi suất.***
- ● ***Điều khoản về chuyển nợ quá hạn.***
- ● ***Điều khoản về phương thức vay.***
- ● ***Điều khoản về quyền và nghĩa vụ của khách hàng.***

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Điều khoản về Thời hạn cho vay

- Theo qui định pháp luật, Tổ chức tín dụng và khách hàng căn cứ vào chu kỳ sản xuất, kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn của dự án đầu tư, khả năng trả nợ của khách hàng và nguồn vốn cho vay của tổ chức tín dụng để thoả thuận về thời hạn cho vay.
- Đối với các pháp nhân Việt Nam và nước ngoài, thời hạn cho vay không quá thời hạn hoạt động còn lại theo quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động tại Việt Nam;
- Đối với cá nhân nước ngoài, thời hạn cho vay không vượt quá thời hạn được phép sinh sống, hoạt động tại Việt Nam.
- Cách thức thể hiện kỳ hạn vay trên hợp đồng:
- -"Thời hạn vay là ..... Tháng, kể từ ngày bên vay nhận tiền lần đầu".
- -"Thời hạn vay là .... Tháng, kể từ ngày... tháng... năm... đến ngày... Tháng...năm...".
- -"Bên vay phải trả hết nợ trong thời gian ... Tháng (ngày), kể từ ngày nhận vốn vay."
- -"Thời hạn vay là ... Tháng. Hạn trả cuối cùng là ngày.... Tháng.... Năm...".
- -"Thời hạn vay là ... Tháng, kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực" (áp dụng cho trường hợp cho vay từng lần).
- -Thời hạn cho vay là...tháng, kể từ ngày rút vốn đến ngày trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo giấy nhận nợ).

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Điều khoản về lãi suất:

- Lãi suất tín dụng là khoản tiền thường được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên tổng số tiền vay mà người đi vay phải trả cho người cho vay trong thời gian một tháng, một năm
- - Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thoả thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- - Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thoả thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Điều khoản về chuyển nợ quá hạn.

- -Trường hợp khách hàng không trả được nợ gốc đúng kỳ hạn đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và có văn bản đề nghị thì tổ chức tín dụng xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.
- - Trường hợp khách hàng không trả nợ hết nợ gốc trong thời hạn cho vay và có văn bản đề nghị gia hạn nợ, thì tổ chức tín dụng xem xét gia hạn nợ.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

-Thời hạn gia hạn nợ :

- +đối với cho vay ngắn hạn tối đa bằng 12 tháng,
- + đối với cho vay trung hạn và dài hạn tối đa bằng 1/2 thời hạn cho vay đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.
- +Trường hợp khách hàng đề nghị gia hạn nợ quá các thời hạn này do nguyên nhân khách quan và tạo điều kiện cho khách hàng có khả năng trả nợ, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng xem xét quyết định và báo cáo ngay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sau khi thực hiện.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

-Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lãi, gia hạn trả nợ lãi:

- + Trường hợp khách hàng không trả nợ lãi đúng kỳ hạn đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và có văn bản đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lãi, thì tổ chức tín dụng xem xét quyết định điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lãi.
- +Trường hợp khách hàng không trả hết nợ lãi trong thời hạn cho vay đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và có văn bản đề nghị gia hạn nợ lãi, thì tổ chức tín dụng xem xét quyết định thời hạn gia hạn nợ lãi.
- +Thời hạn gia hạn nợ lãi áp dụng theo thời hạn gia hạn nợ gốc

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

-Điều khoản về kỳ hạn trả nợ.

- +Nợ gốc: trả khi đến hạn hoặc trả khi kết thúc kỳ hạn gia hạn (nếu có). Nếu không trả nợ, ngân hàng tự động chuyển sang nợ quá hạn. Một số ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn toàn bộ dư nợ gốc thực tế theo hợp đồng nhưng chỉ tính lãi suất quá hạn đối với phần dư nợ gốc quá hạn
- +Đối với việc quá hạn trả lãi: các bên có thể thỏa thuận áp dụng hình thức phạt chậm trả tính theo ngày hoặc lãi suất phạt đối với khoản lãi chậm trả.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

• Điều khoản về phương thức vay:

- Tổ chức tín dụng thoả thuận với khách hàng vay việc áp dụng các phương thức cho vay, việc lựa chọn phương thức phải được thể hiện trong hợp đồng;
- - Cho vay từng lần; Mỗi lần vay vốn khách hàng và tổ chức tín dụng thực hiện thủ tục vay vốn cần thiết và ký kết hợp đồng tín dụng.
- - Cho vay theo hạn mức tín dụng: Tổ chức tín dụng và khách hàng xác định và thoả thuận một hạn mức tín dụng duy trì trong một khoảng thời gian nhất đinh.
- - Cho vay theo dự án đầu tư Tổ chức tín dụng cho khách hàng vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các dự án đầu tư phục vụ đời sống.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

• Điều khoản về phương thức vay:

- - Cho vay hợp vốn: Một nhóm tổ chức tín dụng cùng cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của khách hàng; trong đó, có một tổ chức tín dụng làm đầu mối dàn xếp, phối hợp với các tổ chức tín dụng khác.
- - Cho vay trả góp: Khi vay vốn, tổ chức tín dụng và khách hàng xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kỳ hạn trong thời hạn cho vay.
- - Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng: Tổ chức tín dụng cam kết đảm bảo sẵn sàng cho khách hàng vay vốn trong phạm vi hạn mức tín dụng nhất định. Tổ chức tín dụng và khách hàng thoả thuận thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng dự phòng, mức phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

• Điều khoản về phương thức vay:

- - Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng: Tổ chức tín dụng chấp thuận cho khách hàng được sử dụng số vốn vay trong phạm vi hạn mức tín dụng để thanh toán tiền mua hàng hoá, dịch vụ và rút tiền mặt tại máy rút tiền tự động hoặc điểm ứng tiền mặt là đại lý của tổ chức tín dụng.
- - Cho vay theo hạn mức thấu chi: Là việc cho vay mà tổ chức tín dụng thoả thuận bằng văn bản chấp thuận cho khách hàng chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của khách hàng phù hợp với các quy định của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

•Điều khoản về quyền và nghĩa vụ của khách hàng.

- Quyền và nghĩa vụ của khách hàng
- Quyền và nghĩa vụ của TCTD

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Khách hàng vay có quyền

- + Từ chối các yêu cầu của tổ chức tín dụng không đúng với các thoả thuận trong hợp đồng tín dụng;
- + Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng tín dụng theo quy định của pháp luật;

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Khách hàng vay có nghĩa vụ:

- +Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
- +Sử dụng vốn vay đúng mục đích, thực hiện đúng các nội dung đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và các cam kết khác;
- + Trả nợ gốc và lãi vốn vay theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng;
- + Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thoả thuận về việc trả nợ vay và thực hiện các nghĩa vụ bảo đảm nợ vay đã cam kết trong hợp đồng tín dụng.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Tổ chức tín dụng có quyền:

- + Yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống khả thi, khả năng tài chính của mình và của người bảo lãnh trước khi quyết định cho vay;
- + Từ chối yêu cầu vay vốn của khách hàng nếu thấy không đủ điều kiện vay vốn, dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn không có hiệu quả, không phù hợp với quy định của Pháp luật hoặc tổ chức tín dụng không có đủ nguồn vốn để cho vay.
- + Kiểm tra, giám sát quả trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng;

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Tổ chức tín dụng có quyền:

- + Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng;
- +Khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng hoặc người bảo lãnh theo quy định của pháp luật.
- + Khi đến hạn trả nợ mà khách hàng không trả nợ, nếu các bên không có thoả thuận khác, tổ chức tín dụng có quyền xử lý tài sản bảo đảm vốn vay theo sự thoả thuận trong hợp đồng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với trường hợp khách hàng được bảo lãnh vay vốn;
- + Miễn, giảm lãi vốn vay, gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn nợ; mua bán nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và thực hiện việc đảo nợ, khoanh nợ, xoá nợ theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Tổ chức tín dụng có nghĩa vụ:

- + Thực hiện đúng thoả thuận trong hợp đồng tín dụng;
- + Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

III. CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

- 1. Khái niệm các biện pháp bảo đảm.
- 2. Nguyên tắc bảo đảm tiền vay:
- 3. Tài sản bảo đảm
- 4. Các điều kiện chung đối với tài sản bào đảm:
- 5. Phạm vi bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:
- 6. Hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh.
- 7. Xử lý tài sản bảo đảm:

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

1. Khái niệm các biện pháp bảo đảm.

- Bảo đảm tiền vay là việc tổ chức tín dụng áp dụng các biện pháp nhằm phòng ngừa rủi ro, tạo cơ sở kinh tế và pháp lý để thu hồi được các khoản nợ đã cho khách hàng vay.
- Bảo đảm tiền vay là việc các bên thỏa thuận áp dụng các phương pháp, biện pháp, cách thức nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ hoàn trả vốn và lãi phát sinh của khách hàng cho ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Các biện pháp bảo đảm bao gồm

- -Biện pháp bảo đảm tiền vay bằng tài sản
- - Biện pháp bảo đảm tiền vay trong trường hợp cho vay không có bảo đảm bằng tài sản

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

-Biện pháp bảo đảm tiền vay bằng tài sản:

- • Cầm cố, thế chấp bằng tài sản của khách hàng vay;
- • Cầm cố, thế chấp tài sản của bên thứ ba;
- • Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

- Biện pháp bảo đảm tiền vay trong trường hợp cho vay không có bảo đảm bằng tài sản

- •Tổ chức tín dụng chủ động lựa chọn khách hàng vay để cho vay không có bảo đảm bằng tài sản;
- •Tổ chức tín dụng nhà nước được cho vay không có bảo đảm theo chỉ định của Chính phủ;
- •Tổ chức tín dụng cho cá nhân, hộ gia đình vay có bảo lãnh bằng tín chấp của tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

a. Thế chấp

- •Thế chấp bảo đảm tiền vay: là sự thỏa thuận giữa khách hàng và ngân hàng theo đó, khách hàng phải dùng tài sản (bất động sản) có giá trị ngang bằng hoặc lớn hơn thuộc sở hữu của mình để bảo đảm việc thực nghĩa vụ hoàn trả vốn và lãi cho tổ chức tín dụng theo hợp đồng tín dụng..
- •Lưu ý: Đối tượng: Bất động sản.
- •Không có sự chuyển giao đối tượng thế chấp mà chỉ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu tàisản

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

b. Cầm cố

- Cầm cố tài sản bảo đảm tiền vay: là sự thỏa thuận giữa khách hàng và ngân hàng theo đó, khách hàng phải chuyển giao tài sản (động sản) có giá trị ngang bằng hoặc lớn hơn thuộc sở hữu của mình cho bên cho vay nắm giữ để bảo đảm việc thực nghĩa vụ hoàn trả vốn và lãi cho tổ chức tín dụng.
- •Lưu ý: đối tượng cầm cố: thường là động sản.
- •Phần lớn các trường hợp cầm cố kèm theo thủ tục chuyển giao tài sản

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

c. Bảo lãnh

- Đó là việc bên thứ 3 (pháp nhân hay cá nhân), gọi là bên bảo lãnh cam kết với bên cho vay (bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên vay vốn (bên được bảo lãnh) nếu khi đến hạn mà bên được bảo lãnh không trả toàn bộ hay một phần nợ vay (nợ gốc, lãi, phạt quá hạn).
- Bên bảo lãnh thực hiện bảo lãnh bằng tài sản của mình hoặc các bên thỏa thuận bảo lãnh phải thế chấp, cầm cố tài sản cho bên nhận bảo lãnh.
- Tính chất của bảo lãnh :
- • Điều kiện bảo lãnh: Khi người đi vay không trả được nợ.
- •Bảo lãnh mang bản chất kế thừa sau khi con nợ chính không thực hiện được nghĩa vụ .
- •Là biện pháp dự phòng, bổ sung cho nghĩa vụ chính.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

2. Nguyên tắc bảo đảm tiền vay:

- •Khách hàng vay phải cầm cố, thế chấp tài sản hoặc phải được bên thứ ba bảo lãnh bằng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với tổ chức tín dụng, trừ trường hợp khách hàng vay được tổ chức tín dụng cho vay có bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay hoặc cho vay không có bảo đảm bằng tài sản theo quyđịnh pháp luật.
- •Tổ chức tín dụng và khách hàng vay thỏa thuận lựa chọn áp dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản cầm cố, thế chấp của khách hàng vay hoặc bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

2. Nguyên tắc bảo đảm tiền vay:

- • Tổ chức tín dụng có quyền lựa chọn tài sản đủ điều kiện để làm bảo đảm tiền vay; lựa chọn bên thứ ba bảo lãnh bằng tài sản cho khách hàng vay.
- • Bên bảo lãnh chỉ được bảo lãnh bằng tài sản thuộc sở hữu của mình. Tổ chức tín dụng và bên bảo lãnh có thể thoả thuận biện pháp cầm cố, thế chấp tài sản của bên bảo lãnh để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.
- • Khi thế chấp tài sản gắn liền với đất, khách hàng vay phải thế chấp cả giá trị quyền sử dụng đất cùng với tài sản đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

3. Tài sản bảo đảm

- **Tài sản thế chấp:**
- **Tài sản cầm cố:**

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Tài sản thế chấp:

- •a) Nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất, kể cả các tài sản gắn liền với nhà ở, công trình xây dựng và các tài sản khác gắn liền với đất;
- •b) Giá trị quyền sử dụng đất mà pháp luật về đất đai quy định được thế chấp;
- •c) Tàu biển theo quy định của Bộ Luật hải Việt Nam, tàu bay theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam trong trường hợp được thế chấp;

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Tài sản thế chấp:

- •d) Tài sản hình thành trong tương lai là bất động sản hình thành sau thời điểm ký kết giao dịch thế chấp và sẽ thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp như hoa lợi, lợi tức, tài sản hình thành từ vốn vay, công trình xây dựng, các bất động sản khác mà bên thế chấp có quyền nhận;
- •Trường hợp thế chấp toàn bộ tài sản có vật phụ, thì vật phụ đó cũng thuộc tài sản thế chấp.
- •Trong trường hợp thế chấp một phần bất động sản có vật phụ, thì vật phụ chỉ thuộc tài sản thế chấp, nếu các bên có thoả thuận.
- •Hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp, nếu các bên có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định; trường hợp tài sản thế chấp được bảo hiểm thì khoản tiền bảo hiểm cũng thuộc tài sản thế chấp.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

•Tài sản cầm cố:

- •a) Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hàng tiêu dùng, kim khí quý, đá quý và các vật có giá trị khác;
- •b) Ngoại tệ bằng tiền mặt, số dư trên tài khoản tiền gửi tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ;
- •c) Trái phiếu, cổ phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, sổ tiết kiệm, thương phiếu, các giấy tờ khác trị giá được bằng tiền. Riêng đối với cổ phiếu của tổ chức tín dụng phát hành, khách hàng vay không được cầm cố tại chính tổ chức tín dụng đó;
- •d) Quyền tài sản phát sinh từ quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đòi nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm, các quyền tài sản khác phát sinh từ hợp đồng hoặc từ các căn cứ pháp lý khác;

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

•Tài sản cầm cố:

- •đ) Quyền đối với phần vốn góp trong doanh nghiệp, kể cả trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- •e) Quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật;
- •g) Tàu biển theo quy định của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam, tàu bay theo quy định của Luật hàng không dân dụng Việt Nam trong trường hợp được cầm cố;
- •h) Tài sản hình thành trong tương lai là động sản hình thành sau thời điểm ký kết giao dịch cầm cố và sẽ thuộc quyền sở hữu của bên cầm cố như hoa lợi, lợi tức, tài sản hình thành từ vốn vay, các đồng sản khác mà bên cầm cố có quyền nhận;
- •i) Các tài sản khác theo quy định của pháp luật.
- •Lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản cầm cố cũng thuộc tài sản cầm cố, nếu các bên có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định; trường hợp tài sản cầm cố được bảo hiểm thì khoản tiền bảo hiểm cũng thuộc tài sản cầm cố.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

4. Các điều kiện chung đối với tài sản bảo đảm:

- •Tài sản phải thuộc quyền sở hữu hoặc thuộc quyền sử dụng, quản lý của khách hàng vay, bên bảo lãnh theo quy định sau đây:
- • Đối với giá trị quyền sử dụng đất, phải thuộc quyền sử dụng của khách hàng vay, bên bảo lãnh và được thế chấp, bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đất đai;
- • Đối với tài sản của doanh nghiệp Nhà nước, thì phải là tài sản do Nhà nước giao cho doanh nghiệp đó quản lý, sử dụng và được dùng để bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp Nhà nước;
- • Đối với tài sản khác, thì phải thuộc quyền sở hữu của khách hàng vay, bên bảo lãnh. Trường hợp tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, thì khách hàng vay, bên bảo lãnh phải có giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

4. Các điều kiện chung đối với tài sản bảo đảm:

- •Tài sản được phép giao dịch, tức là tài sản mà pháp luật cho phép hoặc không cấm mua, bán, tặng cho, chuyển đổi, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh và các giao dịch khác.
- •Tài sản không có trách chấp, tức là tài sản không có tranh chấp về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng, quản lý của khách hàng vay, bên bảo lãnh tại thời điểm ký kết hợp đồng bảo đảm. Trong văn bản lập riêng hoặc hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, khách hàng vay, bên bảo lãnh phải cam kết với tổ chức tín dụng về việc tài sản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh không có tranh chấp và phải chịu trách nhiệm về cam kết của mình.
- •Tài sản mà pháp luật quy định phải mua bảo hiểm thì khách hàng vay, bên bảo lãnh phải mua bảo hiểm tài sản trong thời hạn bảo đảm tiền vay

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

5. Phạm vi bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:

- -Phạm vi bảo đảm là nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay đối với tổ chức tín dụng.
- -Nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay đối với tổ chức tín dụng bao gồm tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, các khoản phí (nếu có) được ghi trong hợp đồng tín dụng mà khách hàng vay phải trả theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp các bên có thoả thuận lãi vay, lãi quá hạn, các khoản phí (nếu có) không thuộc phạm vi bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

5. Phạm vi bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:

- -Trường hợp nhiều bên cùng bảo lãnh cho một nghĩa vụ của khách hàng vay, thì các bên bảo lãnh phải liên đới thực hiện việc bảo lãnh, trừ trường hợp có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định bảo lãnh theo các phần độc lập;
- -Tổ chức tín dụng nhận bảo lãnh có thể yêu cầu bất cứ một trong số những bên bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh.
- -Trường hợp tổ chức tín dụng nhận bảo lãnh có thể bù trừ nghĩa vụ với khách hàng vay được bảo lãnh, thì bên bảo lãnh không phải thực hiện nghĩa vụ đã bảo lãnh.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

5. Phạm vi bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:

- -Giá trị tài sản bảo đảm được xác định tại thời điểm ký kết hợp đồng bảo đảm do các bên có liên quan thoả thuận.
- -Việc xác định giá trị tài sản tại thời điểm này chỉ làm cơ sở xác định mức cho vay của tổ chức tín dụng, không áp dụng khi xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Việc xác định giá trị tài sản bảo đảm tiền vay phải được lập thành văn bản riêng hoặc ghi vào hợp đồng tín dụng.
- -Giá trị tài sản bảo đảm có thể lớn, bằng hoặc hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm căn cứ vào thỏa thuận thống nhất giữa các bên, trừ trường hợp tổ chức tín dụng và khách hàng vay thoả thuận bảo đảm bằng tài sản như là một biện pháp bổ sung đối với khoản vay mà khách hàng vay đã có đủ các điều kiện vay không có bảo đảm bằng tài sản.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

5. Phạm vi bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:

- -Một nghĩa vụ trả nợ ghi trong hợp đồng tín dụng có thể được bảo đảm bằng một hoặc nhiều tài sản, bằng một hoặc nhiều biện pháp bảo đảm bằng tài sản
- -Một tài sản bảo đảm được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ trả nợ tại một hoặc nhiều tổ chức tín dụng.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Trường hợp tài sản được dùng để bảo đảm cho các nghĩa vụ trả nợ tại nhiều tổ chức tín dụng, thì phải có đủ các điều kiện:

- • Các giao dịch bảo đảm liên quan đến tài sản này đã được đăng ký tại cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm.
- • Các tổ chức tín dụng cùng nhận một tài sản bảo đảm phải thoả thuận với nhau bằng văn bản cử đại diện giữ bản chính giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm, về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nếu khách hàng không trả được nợ.
- • Giá trị tài sản bảo đảm được xác định tại thời điểm ký kết hợp đồng bảo đảm phải lớn hơn tổng giá trị các nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

Trường hợp tài sản được dùng để bảo đảm cho các nghĩa vụ trả nợ tại nhiều tổ chức tín dụng, thì phải có đủ các điều kiện:

- •Thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các tổ chức tín dụng cùng được bảo đảm bằng một tài sản được xác định theo thứ tự đăng ký giao dịch bảo đảm.
- •Trong trường hợp các tổ chức tín dụng cùng nhận bảo đảm thoả thuận thay đổi thứ tự ưu tiên thanh toán, thì phải đăng ký việc thay đổi đó tại cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

6. Hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh.

- -Yêu cầu chung:
- • Hợp đồng cầm cố, thế chấp, (gọi chung là hợp đồng bảo đảm) phải được lập thành văn bàn; hợp đồng bảo đảm có thể lập thành văn bản riêng, hoặc ghi trong hợp đồng tín dụng.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

•Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên và địa chỉ các bên; ngày, tháng, năm;
- b) Nghĩa vụ được bảo đảm;
- c) Mô tả tài sản cầm cố, thế chấp; giá trị của tài sản cầm có, thế chấp; riêng tài sản cầm cố, thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai có thể mô tả khái quát về tài sản;

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

•Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản có các nội dung chủ yếu sau đây:

- d) Bên giữ tài sản, giấy tờ của tài sản cầm cố, thế chấp;
- đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- e) Các thoả thuận về trường hợp xử lý và phương thức xử lý tài sản cầm cố, thế chấp;
- g) Các thoả thuận khác.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

• Hợp đồng bảo lãnh có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên và địa chỉ các bên; ngày, tháng, năm;
- b) Cam kết của bên bảo lãnh về việc thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh;
- c) Nghĩa vụ được bảo lãnh, phạm vi bảo lãnh và bên được bảo lãnh;
- d) Tài sản bảo lãnh, giá trị tài sản bảo lãnh, trừ trường hợp bên bảo lãnh là tổ chức tín dụng và cơ quan quản lý ngân sách Nhà nước; riêng tài sản bảo lãnh là tài sản hình thành trong tương lai có thể mô tả khái quát về tài sản;

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

• Hợp đồng bảo lãnh có các nội dung chủ yếu sau đây:

- đ) Quyền, nghĩa vụ của bên bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh, bên được bảo lãnh;
- e) Các thoả thuận về trường hợp xử lý và phương thức xử lý tài sản bảo lãnh;
- g) Các thoả thuận khác

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

•Mối quan hệ giữa hợp đồng thế chấp và hợp đồng bảo đảm:

- +Trường hợp giao dịch bảo đảm tiền vay bị coi là vô hiệu từng phần hay toàn bộ, thì không ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng tín dụng mà giao dịch bảo đảm đó là một điều kiện.
- +Khách hàng vay, bên bảo lãnh phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ bảo lãnh của mình và bổ sung tài sản bảo đảm như đã cam kết
- +Việc chứng nhận, chứng thực hay không chứng nhận, chứng thực hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản của cơ quan công chứng Nhà nước hoặc Uỷ ban nhân dân cấp có thẩm quyền là do các bên thoả thuận;
- Trường hợp pháp luật quy định hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản phải có chứng nhận hoặc chứng thực, thì các bên phải tuân theo.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

7. Xử lý tài sản bảo đảm:

- -Tài sản bảo đảm được xử lý theo phương thức đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng hoặc hợp đồng cầm cố, hợp đồng thế chấp, hợp đồng bảo lãnh giữa tổ chức tín dụng và bên bảo đảm.
- -Trong trường hợp các bên không xử lý được tài sản bảo đảm theo phương thức đã thoả thuận, thì tổ chức tín dụng có quyền chủ động áp dụng các phương thức xử lý tài sản bảo đảm.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

-Tài sản bảo đảm được xử lý theo các phương thức sau đây:

- • Bán tài sản bảo đảm: tổ chức tín dụng hoặc bên bảo đảm hoặc các bên phối hợp để bán tài sản trực tiếp cho người mua hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba bán tài sản cho người mua.
- •Bên thứ ba được uỷ quyền bán tài sản có thể là Trung tâm bán đấu giá tài sản hoặc doanh nghiệp bán đấu giá tài sản hoặc tổ chức có chức năng được mua tài sản để bán.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

-Tài sản bảo đảm được xử lý theo các phương thức sau đây:

- • Nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm:Nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm là việc tổ chức tín dụng trực tiếp nhận tài sản bảo đảm, lấy giá tài sản bảo đảm được định giá khi xử lý làm cơ sở để thanh toán nợ gốc, lãi vay, lãi quá hạn của bên bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí khác (nếu có) và được tiếp nhận tài sản đó.
- • Nhận các khoản tiền, tài sản mà bên thứ ba phải trả hoặc phải giao cho bên bảo đảm:Nhận các khoản tiền, tài sản mà bên thứ ba phải trả hoặc phải giao cho bên bảo đảm là việc tổ chức tín dụng trực tiếp nhận khoản tiền hoặc tài sản mà bên thứ ba phải trả hoặc phải giao cho bên bảo đảm.

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt